

# **QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ BẰNG HÀNG HÓA LUÂN CHUYỂN TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH**

## **Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm, Bộ Tư pháp**

Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế tất yếu kéo theo nhu cầu tiếp cận các nguồn vốn ngày càng lớn của các chủ thể trong chuỗi sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy nhanh sự phát triển của các thiết chế tài chính trong chuỗi cung ứng vốn cho thị trường với yêu cầu về đảm bảo tính minh bạch và an toàn pháp lý. Để đáp ứng những yêu cầu này, hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung, những định chế pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nói riêng ngày càng được hoàn thiện theo hướng, đảm bảo phù hợp với thực tiễn giao lưu dân sự, đảm bảo cho an toàn của hoạt động tài trợ vốn, không chỉ phụ thuộc vào nguồn tài sản bảo đảm truyền thống là bất động sản mà còn khai thác tối đa giá trị kinh tế của các tài sản khác để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, trong đó có hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh (sau đây gọi chung là hàng hóa luân chuyển).

Tuy nhiên, việc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng hàng hóa luân chuyển, nhất là thế chấp hàng hóa luân chuyển trên thực tế còn gặp phải những khó khăn nhất định bởi tính chất đặc thù của chính loại tài sản là luân chuyển liên tục trong quá trình hoạt động của bên bảo đảm, bởi những quy định đặc thù trong bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với loại tài sản này. Để nhận diện rõ hơn khung khổ pháp lý về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng hàng hóa luân chuyển ở Việt Nam hiện nay, bài trình bày này giới thiệu các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ về hàng hóa luân chuyển, đồng thời đặt ra một số vấn đề cần trao đổi để tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện pháp luật cũng như đưa ra một số khuyến nghị trong áp dụng thực tiễn.

### **I. Quy định của pháp luật dân sự Việt Nam về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng hàng hóa luân chuyển**

#### ***1. Cơ sở pháp lý liên quan:***

- Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015;
- Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ (Nghị định số 21/2021/NĐ-CP);
- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;
- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 (được sửa đổi, bổ sung năm 2018); các nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

#### ***2. Nội dung quy định về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ***

Trước thời điểm BLDS năm 2005 có hiệu lực thi hành, việc thế chấp tài sản chỉ áp dụng cho tài sản bảo đảm là bất động sản (Điều 346 BLDS năm 1995). Việc dùng hàng hóa luân chuyển để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ chỉ áp dụng được trong các giao dịch cầm cố, đặt cọc, ký cược; tuy nhiên, việc áp dụng các giao dịch này đối với hàng hóa luân chuyển làm mất đi tính chất luân chuyển của loại hàng hóa này.

Cho đến khi BLDS năm 2005 và sau đó là BLDS năm 2015 có hiệu lực thi hành thì cơ chế pháp lý áp dụng cho việc bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng hàng hóa luân chuyển đã có sự linh hoạt hơn, phù hợp hơn với việc ghi nhận cơ chế áp dụng biện pháp thế chấp đối với hàng hóa luân chuyển<sup>1</sup> như một “trường hợp đặc biệt” trong biện pháp thế chấp tài sản.

Trên cơ sở được BLDS ghi nhận, việc thế chấp hàng hóa luân chuyển cũng đã được đề cập, hướng dẫn tại các văn bản pháp luật liên quan, trong đó cần lưu ý đối với một số nội dung sau đây:

## **2.1. Về tài sản là hàng hóa luân chuyển dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ**

Hàng hóa luân chuyển dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:

(i) Có thể là tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm, trừ cầm giữ tài sản, bảo lưu quyền sở hữu; không thuộc trường hợp BLDS, luật khác liên quan cấm chuyển giao về quyền sở hữu tại thời điểm xác lập hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm;

(ii) Có thể là hàng hóa đang ở trong kho (ở trạng thái tĩnh), hàng hóa đang tham gia quá trình sản xuất, kinh doanh (ở trạng thái động) và bao gồm cả, quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế hoặc được trao đổi;

(iii) Có thể có giá trị lớn hơn, bằng hoặc nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm; (iii) có thể mô tả chung, nhưng phải xác định được.

So với khái niệm của Nghị định hướng dẫn BLDS trước đó – Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 11/2012/NĐ-CP) tại khoản 8 Điều 3 xác định, “Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh là động sản dùng để trao đổi, mua bán, cho thuê trong phạm vi hoạt động sản xuất, kinh doanh của bên bảo đảm.” thì quy định của Nghị định số 21/2021/NĐ-CP là rõ ràng hơn, đảm bảo bao quát được các tình huống phát sinh trên thực tiễn bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng loại tài sản này. Bên cạnh đó, khái niệm mà Nghị định số 163/2006/NĐ-CP đưa ra về cơ bản đã thuộc nội hàm quy định về tài sản bảo đảm tại Điều 295 BLDS năm 2015 nên không được quy định lại.

---

<sup>1</sup> BLDS năm 2005 quy định, “Thế chấp tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên thế chấp) dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với bên kia (sau đây gọi là bên nhận thế chấp) và không chuyển giao tài sản đó cho bên nhận thế chấp...” (khoản 1 Điều 342).

BLDS năm 2015 quy định, “Thế chấp tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên thế chấp) dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận thế chấp)...” (khoản 1 Điều 297).

Cơ sở pháp lý: Điều 295<sup>2</sup>, khoản 4 Điều 321<sup>3</sup> BLDS năm 2015; khoản 1 Điều 8<sup>4</sup>, Điều 19<sup>5</sup> Nghị định số 21/2021/NĐ-CP.

## **2.2. Về mô tả tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển**

Pháp luật Việt Nam hiện có quy định khá đầy đủ để thực hiện việc mô tả tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển, theo đó:

BLDS năm 2015 quy định, tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển có thể được mô tả chung, nhưng phải xác định được. Việc cho phép mô tả chung tài sản bảo đảm là cần thiết và phù hợp với thực tiễn xác lập, thực hiện hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm, đặc biệt phù hợp với việc mô tả hàng hóa luân chuyển – loại tài sản thường xuyên biến động cả về số lượng, chủng loại và giá trị hàng hóa; giúp các bên trong quan hệ thế chấp hàng hóa luân chuyển không gặp phiền phức, phát sinh thêm chi phí khi phải thỏa thuận mô tả lại tài sản bảo đảm mỗi lần tài sản này có biến động. Tuy vậy, ngoài việc cho phép mô tả chung thì pháp luật Việt Nam cũng đặt ra giới hạn trong việc mô tả tài sản bảo đảm khi quy định việc mô tả cũng phải đồng thời đảm bảo xác định được tài sản bảo đảm để giúp việc xử lý tài sản bảo đảm được chính xác, giảm thiểu tranh chấp pháp lý phát sinh trong quá trình này.

Bên cạnh đó, trên cơ sở quy định thi hành BLDS năm 2015, Nghị định số 21/2021/NĐ-CP cũng đã có quy định để làm rõ hơn việc mô tả tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển, theo đó, hàng hóa luân chuyển có thể được mô tả theo giá trị tài sản hoặc theo loại hàng hóa.

Cơ sở pháp lý: khoản 2 Điều 295<sup>6</sup> BLDS năm 2015, Điều 19 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP.

## **2.3. Về quyền của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm**

Quyền của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm trong bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng hàng hóa luân chuyển được thực hiện theo quy định của BLDS năm 2015, hướng dẫn của Nghị định số 21/2021/NĐ-CP, pháp luật khác liên quan. Trong đó, đối với trường hợp thế chấp hàng hóa luân chuyển:

### **<sup>2</sup> Điều 295. Tài sản bảo đảm**

“1. Tài sản bảo đảm phải thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm, trừ trường hợp cầm giữ tài sản, bảo lưu quyền sở hữu.

2. Tài sản bảo đảm có thể được mô tả chung, nhưng phải xác định được.

3. Tài sản bảo đảm có thể là tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai.

4. Giá trị của tài sản bảo đảm có thể lớn hơn, bằng hoặc nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm.”

<sup>3</sup> Bên thế chấp được bán, thay thế, trao đổi tài sản thế chấp, nếu tài sản đó là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Trong trường hợp này, quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế hoặc được trao đổi trở thành tài sản thế chấp.

<sup>4</sup> Tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bao gồm: Tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai, trừ trường hợp Bộ luật Dân sự, luật khác liên quan cấm mua bán, cầm chuyên nhượng hoặc cầm chuyển giao khác về quyền sở hữu tại thời điểm xác lập hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm;

<sup>5</sup> Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh và kho hàng được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ có thể được mô tả theo giá trị tài sản hoặc theo loại hàng hóa. Việc mô tả đối với tài sản bảo đảm là kho hàng còn phải thể hiện được địa chỉ, số hiệu kho (nếu có) hoặc dấu hiệu khác của vị trí kho hàng.

Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh có thể là hàng hóa trong kho hoặc là hàng hóa đang tham gia quá trình sản xuất, kinh doanh.

<sup>6</sup> Tài sản bảo đảm có thể được mô tả chung, nhưng phải xác định được.

3.1. Bên thế chấp được bán, thay thế, trao đổi tài sản thế chấp là hàng hóa luân chuyển mà không cần sự đồng ý của bên nhận thế chấp, không phải thông báo cho bên nhận thế chấp; trong khi đó, đối với biện pháp thế chấp tài sản khác, bên thế chấp chỉ được bán, trao đổi, tặng cho tài sản thế chấp trong trường hợp được bên nhận thế chấp đồng ý hoặc luật quy định. Đây không phải là quy định mới mà được kế thừa, phát triển từ quy định của BLDS năm 2005, là “đặc quyền” chỉ dành riêng bên thế chấp trong biện pháp thế chấp loại tài sản là hàng hóa luân chuyển; phù hợp với tính chất thường xuyên biến động, luân chuyển linh hoạt của loại tài sản này<sup>7</sup>.

3.2. Bên nhận thế chấp có các quyền chung được BLDS năm 2015 quy định, bao gồm: (i) xem xét, kiểm tra trực tiếp tài sản thế chấp, nhưng không được cản trở hoặc gây khó khăn cho việc hình thành, sử dụng, khai thác tài sản thế chấp; (ii) yêu cầu bên thế chấp phải cung cấp thông tin về thực trạng tài sản thế chấp; (iii) yêu cầu bên thế chấp áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo toàn tài sản, giá trị tài sản trong trường hợp có nguy cơ làm mất giá trị hoặc giảm sút giá trị của tài sản do việc khai thác, sử dụng; (iv) thực hiện việc đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật; (v) yêu cầu bên thế chấp hoặc người thứ ba giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; (vi) giữ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp trong trường hợp các bên có thỏa thuận, trừ trường hợp luật có quy định khác; (vii) xử lý tài sản thế chấp khi có căn cứ xử lý theo quy định của BLDS. Trên cơ sở cụ thể hóa những quyền này của BLDS năm 2015, trong xử lý tài sản bảo đảm, Nghị định số 21/2021/NĐ-CP đã quy định về quyền xem xét, kiểm tra thực tế tài sản bảo đảm để ngăn chặn việc tẩu tán tài sản bảo đảm, để xử lý của bên nhận bảo đảm; đồng thời quy định về nghĩa vụ của bên bảo đảm, người giữ tài sản bảo đảm trong việc bên nhận bảo đảm thực hiện quyền này.

Bên cạnh đó, trường hợp biện pháp thế chấp bằng hàng hóa luân chuyển đã được đăng ký, làm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì bên nhận thế chấp được quyền truy đòi tài sản bảo đảm và được xác lập thứ tự ưu tiên thanh toán theo quy định của BLDS. Trong đó, đối với quyền truy đòi tài sản bảo đảm, bên nhận thế chấp không áp dụng quyền truy đòi đối với tài sản là hàng hóa luân chuyển đã được bán, được thay thế hoặc được trao đổi mà trong trường hợp này, bên nhận thế chấp có quyền thực hiện quyền truy đòi đối với quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế hoặc được trao đổi do bán, trao đổi hoặc thay thế tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển.

---

<sup>7</sup> BLDS năm 2005 quy định, bên thế chấp “Được bán, thay thế tài sản thế chấp, nếu tài sản đó là hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Trong trường hợp bán tài sản thế chấp là hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh thì quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số tiền thu được hoặc tài sản hình thành từ số tiền thu được trở thành tài sản thế chấp thay thế cho số tài sản đã bán. (khoản 3 Điều 349)

BLDS năm 2015 quy định, bên thế chấp “Được bán, thay thế, trao đổi tài sản thế chấp, nếu tài sản đó là hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Trong trường hợp này, quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế hoặc được trao đổi trở thành tài sản thế chấp.” (khoản 4 Điều 321)

Căn cứ pháp lý: Điều 297<sup>8</sup>, khoản 4 Điều 321<sup>9</sup>, Điều 323<sup>10</sup> BLDS năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 7<sup>11</sup>, các khoản 6, 7, 8 Điều 52<sup>12</sup> Nghị định số 21/2021/NĐ-CP.

## **II. Quy định của pháp luật về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm**

### **1. Cơ sở pháp lý liên quan**

- Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Luật Tiếp cận thông tin năm 2016;
- Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ quy định đăng ký biện pháp bảo đảm (Nghị định số 102/2017/NĐ-CP);
- Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2020/TT-BTP ngày 17/12/2020) của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

### **2. Thủ tục đăng ký, cung cấp thông tin**

#### **2.1. Về thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin**

<sup>8</sup> “**Điều 297. Hiệu lực đối kháng với người thứ ba**

1. Biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba từ khi đăng ký biện pháp bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm nắm giữ hoặc chiếm giữ tài sản bảo đảm.

2. Khi biện pháp bảo đảm phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba thì bên nhận bảo đảm được quyền truy đòi tài sản bảo đảm và được quyền thanh toán theo quy định tại Điều 308 của Bộ luật này và luật khác có liên quan.”

<sup>9</sup> Được bán, thay thế, trao đổi tài sản thế chấp, nếu tài sản đó là hàng hoá luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Trong trường hợp này, quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế hoặc được trao đổi trở thành tài sản thế chấp.

<sup>10</sup> “**Điều 323. Quyền của bên nhận thế chấp**

1. Xem xét, kiểm tra trực tiếp tài sản thế chấp, nhưng không được cản trở hoặc gây khó khăn cho việc hình thành, sử dụng, khai thác tài sản thế chấp.

2. Yêu cầu bên thế chấp cung cấp thông tin về thực trạng tài sản thế chấp.

3. Yêu cầu bên thế chấp áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo toàn tài sản, giá trị tài sản trong trường hợp có nguy cơ làm mất giá trị hoặc giảm sút giá trị của tài sản do việc khai thác, sử dụng.

4. Thực hiện việc đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

5. Yêu cầu bên thế chấp hoặc người thứ ba giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ.

6. Giữ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp trong trường hợp các bên có thỏa thuận, trừ trường hợp luật có quy định khác.

7. Xử lý tài sản thế chấp khi thuộc trường hợp quy định tại Điều 299 của Bộ luật này.”

<sup>11</sup> Quyền truy đòi của bên nhận bảo đảm đối với tài sản bảo đảm không áp dụng đối với tài sản thế chấp được bán, được thay thế hoặc được trao đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 321 của Bộ luật Dân sự;

<sup>12</sup> **Điều 52. Giao tài sản bảo đảm, xử lý tài sản cầm cố, thế chấp**

...

6. Trường hợp bên bảo đảm hoặc người đang giữ tài sản không giao tài sản bảo đảm thì bên nhận bảo đảm có quyền xem xét, kiểm tra thực tế tài sản bảo đảm để ngăn chặn việc tẩu tán tài sản bảo đảm, để xử lý hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết.

7. Trường hợp người giữ tài sản bảo đảm là người thứ ba thì bên bảo đảm và người giữ tài sản có trách nhiệm phối hợp với bên nhận bảo đảm thực hiện việc xem xét, kiểm tra thực tế tài sản bảo đảm.

8. Bên bảo đảm hoặc người đang giữ tài sản bảo đảm không giao tài sản bảo đảm theo thỏa thuận hoặc không giao tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 301 của Bộ luật Dân sự, không phối hợp hoặc có hành vi cản trở việc xem xét, kiểm tra thực tế tài sản bảo đảm mà gây thiệt hại cho bên nhận bảo đảm thì phải bồi thường.

Cơ quan có thẩm quyền đăng ký thế chấp hàng hóa luân chuyển là Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

Cơ sở pháp lý:

- Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP<sup>13</sup> ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

- Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 08/2018/TT-BTP<sup>14</sup> ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

## **2.2. Về thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm**

### **a) Về phương thức đăng ký**

Việc nộp hồ sơ đăng ký thế chấp hàng hóa luân chuyển được thực hiện theo một trong các phương thức: (i) qua hệ thống đăng ký trực tuyến; (ii) nộp trực tiếp tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản; (iii) qua đường bưu điện; (iv) qua thư điện tử trong trường hợp người yêu cầu đăng ký đã được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm.

Trường hợp việc đăng ký thế chấp hàng hóa luân chuyển được thực hiện qua thủ tục đăng ký trực tuyến, người yêu cầu đăng ký sử dụng mã số sử dụng cơ sở dữ liệu, tài khoản đăng ký trực tuyến đã được cấp truy cập vào hệ thống đăng ký trực tuyến biện pháp bảo đảm để kê khai nội dung đăng ký trên giao diện đăng ký trực tuyến. Hệ thống đăng ký trực tuyến xác nhận kết quả đăng ký biện pháp bảo đảm trên giao diện của hệ thống, đồng thời, cơ quan đăng ký gửi 01 văn bản chứng nhận kết quả đăng ký đến người yêu cầu đăng ký theo một trong các phương thức đã nêu ở trên.

Cơ sở pháp lý: Điều 13<sup>15</sup>, Điều 56<sup>16</sup> Nghị định số 102/2017/NĐ-CP.

---

<sup>13</sup> Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản và các tài sản khác không thuộc thẩm quyền của Cục Hàng không Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam (hoặc Chi cục Hàng hải, Cảng vụ hàng hải), Văn phòng đăng ký đất đai (hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai).

<sup>14</sup> Tài sản bảo đảm được đăng ký tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản theo yêu cầu bao gồm: "... Máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất, nguyên liệu, vật liệu, hàng tiêu dùng, các hàng hóa khác, kim khí quý, đá quý;...".

<sup>15</sup> **Điều 13. Phương thức nộp hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm**

"Hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm được nộp theo một trong các phương thức sau đây:

1. Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
2. Nộp trực tiếp;
3. Qua đường bưu điện;
4. Qua thư điện tử trong trường hợp người yêu cầu đăng ký đã được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm."

<sup>16</sup> **Điều 56. Thủ tục đăng ký trực tuyến**

"Việc đăng ký trực tuyến biện pháp bảo đảm được thực hiện theo thủ tục sau đây:

1. Người yêu cầu đăng ký sử dụng mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm, tài khoản đăng ký trực tuyến đã được cấp truy cập vào hệ thống đăng ký trực tuyến biện pháp bảo đảm để kê khai nội dung đăng ký trên giao diện đăng ký trực tuyến;
2. Hệ thống đăng ký trực tuyến xác nhận kết quả đăng ký biện pháp bảo đảm cho người yêu cầu đăng ký trên giao diện của hệ thống đăng ký trực tuyến;
3. Cơ quan đăng ký gửi 01 văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm có xác nhận của cơ quan đăng ký đến người yêu cầu đăng ký theo một trong các phương thức quy định tại Điều 17 của Nghị định này."

### *b) Về mô tả trong đăng ký*

Người yêu cầu đăng ký, người thực hiện đăng ký tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển có thể mô tả tài sản theo tên hàng hóa, chủng loại, số lượng hoặc các thông tin khác có liên quan đến hàng hóa đó; trường hợp tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới và tài sản này là hàng hóa luân chuyển thì người yêu cầu đăng ký, người thực hiện đăng ký không phải mô tả số khung của phương tiện giao thông trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến, nhưng tại mục “Mô tả tài sản” trên Phiếu yêu cầu đăng ký hoặc trường “Mô tả” trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến phải mô tả tài sản bảo đảm “là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh”.

Cơ quan đăng ký thực hiện đăng ký theo nguyên tắc ghi nhận nội dung đăng ký trên cơ sở thông tin được kê khai trên Phiếu yêu cầu đăng ký. Bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, tính chính xác của thông tin về bên bảo đảm, về tài sản bảo đảm được kê khai trên Phiếu yêu cầu đăng ký.

Cơ sở pháp lý: khoản 2 Điều 7 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 10<sup>17</sup> Thông tư số 08/2018/TT-BTP.

### *c) Về đăng ký thay đổi*

Trường hợp biện pháp thế chấp hàng hóa luân chuyển đã được đăng ký thì khi có sự thay đổi tài sản bảo đảm do hoạt động sản xuất, kinh doanh thì người yêu cầu đăng ký không phải đăng ký thay đổi. Ngoài ra, trường hợp tài sản bảo đảm là tài sản hình thành trong tương lai đã hình thành mà tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai đó là hàng hóa luân chuyển thì cũng không thuộc trường hợp đăng ký thay đổi.

Cơ sở pháp lý: khoản 4 Điều 18<sup>18</sup>, khoản 3 Điều 52<sup>19</sup> Nghị định số 102/2017/NĐ-CP.

## **2.2. Về cung cấp thông tin biện pháp bảo đảm**

### *a) Quyền yêu cầu cung cấp thông tin*

<sup>17</sup> “Trường hợp tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh, hàng tồn kho, thì người yêu cầu đăng ký, người thực hiện đăng ký có thể mô tả tài sản như sau:

a) Tên hàng hóa, chủng loại, số lượng, địa chỉ cụ thể của kho hàng hoặc các thông tin khác có liên quan đến hàng hóa đó;  
b) Trường hợp tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới và tài sản này là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản hình thành trong tương lai thì người yêu cầu đăng ký, người thực hiện đăng ký không phải mô tả số khung của phương tiện giao thông trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến, nhưng tại mục “Mô tả tài sản” trên Phiếu yêu cầu đăng ký hoặc trường “Mô tả” trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến phải mô tả tài sản bảo đảm “là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh” hoặc “là tài sản hình thành trong tương lai”;

<sup>18</sup> Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành trong tương lai đã hình thành, trừ trường hợp tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh

<sup>19</sup> Trường hợp đã đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh, thì khi tài sản bảo đảm đó thay đổi do hoạt động sản xuất, kinh doanh, người yêu cầu đăng ký không phải thực hiện đăng ký thay đổi

Cá nhân, tổ chức có quyền tìm hiểu hoặc yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm được lưu giữ trong sổ đăng ký, cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm và Hệ thống dữ liệu quốc gia về biện pháp bảo đảm.

Cơ sở pháp lý: khoản 3 Điều 106<sup>20</sup> BLDS năm 2015; Điều 5<sup>21</sup> Luật Tiếp cận thông tin; khoản 1 Điều 59 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP.

*b) Phương thức yêu cầu cung cấp thông tin*

Cá nhân, tổ chức các cơ quan gửi phiếu yêu cầu cung cấp thông tin đến Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp theo một trong các phương thức:

(i) Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;

(ii) Nộp trực tiếp;

(iii) Qua đường bưu điện;

(iv) Qua thư điện tử trong trường hợp người yêu cầu đăng ký đã được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm.

Cơ sở pháp lý: Điều 13, Điều 60 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP.

*b) Thủ tục cung cấp thông tin*

Sau khi nhận phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ, người thực hiện đăng ký tra cứu thông tin trong sổ đăng ký hoặc cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm; cung cấp thông tin bằng văn bản cho người yêu cầu trong ngày nhận phiếu yêu cầu; nếu nhận phiếu yêu cầu sau 15 giờ, thì hoàn thành việc cung cấp thông tin ngay trong ngày làm việc tiếp theo; trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết theo yêu cầu, thì cũng không quá 03 ngày làm việc.

Việc trả kết quả cung cấp thông tin theo một trong các phương thức:

(i) Trực tiếp tại cơ quan đăng ký.

(ii) Qua đường bưu điện;

(iii) Phương thức khác do cơ quan đăng ký và người yêu cầu đăng ký thỏa thuận.

Cơ sở pháp lý: Điều 16, Điều 17, Điều 62 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP.

### **III. Một số vấn đề trao đổi hoặc cần tham khảo kinh nghiệm liên quan đến bảo đảm thực hiện nghĩa vụ hàng hóa luân chuyển**

#### **1. Về mô tả tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển**

Như đã nêu ở mục I.2, khi xác lập hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm bằng hàng hóa luân chuyển thì tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển có thể được mô tả chung, nhưng phải xác định được; có thể mô tả theo giá trị tài sản hoặc theo loại hàng hóa. Tuy

<sup>20</sup> Việc đăng ký tài sản phải được công khai.

<sup>21</sup> Công dân được tiếp cận thông tin của cơ quan nhà nước, trừ thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 6 của Luật này; được tiếp cận có điều kiện đối với thông tin quy định tại Điều 7 của Luật này.



vậy, khi đăng ký biện pháp bảo đảm bằng loại tài sản này, để đảm bảo có đủ thông tin để công khai, minh bạch thông tin về tài sản bảo đảm thuộc biện pháp bảo đảm đã được đăng ký, pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm cũng có khuyến nghị riêng trong việc mô tả trên Phiếu yêu cầu đăng ký – như đã nêu tại mục II.3.

Do vậy, trong xác lập hợp đồng bảo đảm, biện pháp bảo đảm bằng hàng hóa luân chuyển, để phù hợp, thuận tiện trong việc đăng ký biện pháp bảo đảm thì ngoài việc đảm bảo mô tả phù hợp với quy định của BLDS năm 2015, của Nghị định số 21/2021/NĐ-CP thì bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm cũng cần thỏa thuận để mô tả tài sản bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm. Ví dụ: hàng hóa luân chuyển là ô tô, xe máy hoặc phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khác thì thông tin mô tả tài sản phải có số khung của phương tiện.

## **2. Về rủi ro khi nhận tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển**

Trên thực tế đã xảy ra các trường hợp như:

- Trường hợp cùng một hàng hóa luân chuyển nhưng được dùng để bảo đảm cho nhiều ngân hàng khác nhau, mỗi ngân hàng lại mô tả tài sản bảo đảm dưới dạng thức khác nhau. Ví dụ: Ngân hàng A mô tả tài sản bảo đảm theo hàng hóa ghi trên tờ khai hải quan và quyết định thông quan hàng hóa, Ngân hàng B mô tả tài sản bảo đảm theo khoản phải thu...

- Bên nhận thế chấp khó quản lý, kiểm soát được việc bên thế chấp bán tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển do về nguyên tắc, việc đưa loại tài sản bảo đảm này vào giao dịch không cần sự đồng ý của bên nhận bảo đảm.

Pháp luật Việt Nam hiện hành ngoài Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng có đặt ra yêu cầu là quy định nội bộ về cho vay của ngân hàng phải có nội dung về "việc quản lý, giám sát, theo dõi tài sản bảo đảm tiền vay phù hợp với biện pháp bảo đảm tiền vay, đặc điểm của tài sản bảo đảm tiền vay và khách hàng" (điểm d khoản 2 Điều 22) nhưng nhìn chung chưa có cơ chế pháp lý cụ thể để giải quyết các vấn đề nêu trên mà chỉ có các cơ chế hỗ trợ để giảm thiểu rủi ro pháp lý cho bên nhận bảo đảm khi nhận thế chấp hàng hóa luân chuyển xem xét, kiểm tra tài sản bảo đảm, trong truy đòi tài sản bảo đảm,... (như đã nêu ở mục I.3.2) hay cơ chế đăng ký biện pháp bảo đảm theo yêu cầu để công khai thông tin, xác định thứ tự ưu tiên thanh toán. Tuy nhiên, để đảm bảo hơn nữa việc hạn chế phát sinh các tranh chấp, giảm thiểu rủi ro cả về pháp lý và kinh tế, trong nhận thế chấp hàng hóa luân chuyển, chúng tôi khuyến nghị:

- Bên nhận thế chấp cần thực hiện việc đăng ký biện pháp bảo đảm để công khai hóa, minh bạch hóa thông tin đến toàn xã hội, xác lập thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm. Trong đó, đặc biệt phải mô tả hàng hóa theo đúng quy định, đảm bảo khả năng nhận diện được tài sản bảo đảm.

- Các tổ chức tín dụng cần nghiên cứu để áp dụng các biện pháp nghiệp vụ phù hợp để kiểm soát quá trình luân chuyển của tài sản bảo đảm; có cơ chế trao đổi thông tin lẫn nhau để giảm thiểu trường hợp cùng nhận bảo đảm một tài sản.

### **3. Về việc phân biệt trường hợp thế chấp hàng hóa luân chuyển (bao gồm cả hàng trong kho) và thế chấp kho hàng**

BLDS hiện hành không có giải thích cụ thể cho khái niệm về hàng hóa luân chuyển và kho hàng; Nghị định số 21/2021/NĐ-CP cũng chỉ nhận diện chung hàng hóa luân chuyển có thể là hàng hóa trong kho hoặc là hàng hóa đang tham gia quá trình sản xuất, kinh doanh.

Việc không có khái niệm để phân biệt cụ thể dẫn đến nhiều tranh chấp, nhiều rủi ro pháp lý trên thực tế, nhiều trường hợp nhận thế chấp tài sản là hàng hóa không phân biệt rõ là nhận thế chấp bằng hàng hóa luân chuyển hay nhận thế chấp kho hàng trong khi cơ chế pháp lý áp dụng cho từng trường hợp này là có sự khác biệt, cụ thể:

	<b>Hàng hóa luân chuyển</b>	<b>Kho hàng</b>
<b>Mô tả</b>	Theo giá trị tài sản hoặc theo loại hàng hóa.	Theo giá trị tài sản hoặc theo loại hàng hóa; phải thể hiện được địa chỉ, số hiệu kho (nếu có) hoặc dấu hiệu khác của vị trí kho hàng.
<b>Quyền của bên thế chấp đối với tài sản thế chấp</b>	Được bán, thay thế, trao đổi.	Được thay thế nhưng phải bảo đảm giá trị của hàng hóa trong kho đúng như thỏa thuận.
<b>Sự biến động tài sản thế chấp</b>	Quyền yêu cầu bên mua thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế hoặc được trao đổi trở thành tài sản thế chấp	Không biến động.